

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022 /DS-ST

Ngày: 27/9/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Trung Chiên.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Ngọc Cúc

- Bà Trần Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa: bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở TAND huyện Vĩnh Cửu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 141/2021/TLST-DS ngày 15/12/2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXX-DS ngày 18/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 796/2022/QĐST-DS ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giữa:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Hồng H, sinh năm 1976

Trú tại: số 1, đường P, KP2, phường T, TP.B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền ông Trần H1, sinh năm 1990

Địa chỉ: số 2, đường 3, phường T, TP.B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Công ty TNHH một thành viên gỗ T.

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông S

Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc.

Địa chỉ: ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông S

Địa chỉ: ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(ông H1 có mặt, ông S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2021 và lời khai có tại hồ sơ đại diện nguyên đơn ông Trần H1 trình bày:**

Do có quan hệ quen biết, nên khi biết ông S cần vốn để tái thiết sản xuất cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ T (Công ty gỗ T) do ông S làm Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc. Bà H đã đồng ý cấp vốn kinh doanh cho Công ty gỗ T bằng hình thức ký kết hợp đồng cấp vốn kinh doanh.

Ngày 24/10/2020 bà H và Công ty gỗ T ký kết hợp đồng cấp vốn kinh doanh với nội dung bà H cấp vốn cho xưởng sản xuất đồ gỗ của Công ty gỗ T tái thiết sản xuất, nguồn vốn này được dùng vào mục đích chi trả mua nguyên vật liệu, sản xuất, trả lương công nhân, tiền điện và chi phí duy trì sản xuất, số tiền cấp vốn tùy vào nhu cầu sản xuất của Công ty T, bà H sẽ được hưởng lợi nhuận tương đương 7%/tháng của số tiền cấp vốn, hợp đồng cấp vốn được kết thúc vào ngày 30 hàng tháng hai bên cùng chốt lại số tiền cấp vốn trong tháng và số tiền lợi nhuận được chia, hợp đồng đương nhiên được tái tục hàng tháng cho đến khi thanh lý, tuy nhiên trong quá trình hoạt động từ sau khi bà H cấp vốn thì Công ty hoạt động không hiệu quả nên không có tiền để thanh toán lợi nhuận cho bà H.

Ngày 31/5/2021 hai bên đã ký biên bản xác nhận công nợ, theo đó Công ty gỗ T xác nhận số tiền mà bà H cấp vốn theo hợp đồng cấp vốn kinh doanh ngày 24/10/2020 là 4.800.000.000 đồng (bốn tỷ tám trăm triệu đồng) hợp đồng này được thanh lý kể từ ngày 31/5/2021, Công ty gỗ T có trách nhiệm hoàn trả số tiền 4.800.000.000 đồng cho bà H chậm nhất ngày 30/6/2021, trường hợp Công ty gỗ T không thanh toán đúng hạn thì ông S cam kết chịu trách nhiệm liên đới trong việc thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của Công ty gỗ T với bà H.

Vì vậy nay bà H yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ T (Công ty gỗ T) và ông S có trách nhiệm trả cho bà H số tiền là 4.800.000.000 đồng tiền gốc và yêu cầu trả lãi chậm trả từ ngày 01/7/2021 đến ngày xét xử là (14 tháng 26 ngày) với lãi suất là 1,66% bằng số tiền là 1.184.576.000 đồng tính đến ngày xét xử (27/9/2022). Tổng cộng là 5.984.576.000 đồng.

*** Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ T đại diện theo pháp luật là ông S và đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có lời khai tại tòa.**

* Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về thẩm quyền giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giải quyết là đúng thẩm quyền; Về xác định tư cách tố tụng là đúng; Thời hạn giải quyết đúng quy định; Hồ sơ gửi viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục tổng đạt cho đúng quy định; Xác minh thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định. Vì vậy buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ T và ông S phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà H số tiền là 5.984.576.000 đồng. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ T và ông S phải liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Do yêu cầu của bà H được chấp nhận, nên hoàn trả lại tạm ứng án phí cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1]. Về tố tụng:

1.1. Áp dụng Điều 26; 35; 39 Bộ luật TTDS năm 2015 quy định căn cứ vào nơi trụ sở của bị đơn, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

1.2. Ông S được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông S.

1.3. Căn cứ vào Điều 85; 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về đại diện theo ủy quyền, bà Đoàn Thị Hồng H có hợp đồng ủy quyền cho ông Trần H1 ngày 20/11/2021 được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh T1 hợp lệ nên được chấp nhận.

1.4. Về tư cách tố tụng: Bà H xác định đây là tài sản riêng để kinh doanh làm ăn của bà không có ai khác liên quan đến vụ án, bà H xác định cho Công ty TNHH MTV gỗ T đại diện theo pháp luật là ông S và người liên quan đến việc trả nợ là ông S ngoài ra không còn ai khác liên quan.

2] Về nội dung:

2.1. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của Bà Đoàn Thị Hồng H đề nghị Tòa án buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ T và ông S phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền cho Công ty gỗ T vay bằng hình thức cấp vốn kinh doanh, nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

2.2. Đối với việc vay tiền bằng hình thức cấp vốn kinh doanh giữa bà Đoàn Thị Hồng H và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ T được lập bằng hợp đồng cấp vốn kinh doanh được các bên ký xác nhận và đóng dấu, nên việc vay tiền giữa các bên là có thật.

2.3. Theo lời trình bày của ông H1 bà H có cho Công ty gỗ T vay với số tiền 4.800.000.000 đồng được các bên thừa nhận cụ thể là các bên có làm xác nhận công nợ với nhau vào ngày 31/5/2021 và có bên liên quan là ông S cùng tham gia ký kết, nên xác nhận công nợ này là có thật.

2.4. Ông H1 trình bày bà H đầu tư cấp vốn cho Công ty gỗ T do ông S làm đại diện theo pháp luật với tổng số tiền là 4.800.000.000 đồng, sau khi bà H cấp vốn cho Công ty nhưng làm ăn thua lỗ, nên bà H cùng Công ty gỗ T và ông S cùng ngồi lại và thống nhất công nợ và hẹn đến ngày 30/6/2021 Công ty gỗ T sẽ trả hết số tiền nợ cho bà H, nếu như Công ty T không trả được thì ông S sẽ liên đới để thanh toán số nợ này. Xét thấy lời trình bày của ông H1 cho rằng bà H cho Công ty gỗ T vay tiền bằng hình thức cấp vốn và sau đó các bên đã xác nhận công nợ và nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên có cơ sở chấp nhận.

2.5. Đối với hợp đồng cấp vốn kinh doanh chỉ có bên cấp vốn là bà H và bên nhận cấp vốn là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ T, nhưng tại biên bản xác nhận công nợ gồm có 3 bên gồm bên cấp vốn, bên nhận cấp vốn và bên liên quan, đối với giấy xác nhận công nợ này được cả ba bên ký xác nhận công nợ nên có giá trị pháp lý đối với cả ba bên.

2.6. Đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ T và ông S vắng mặt tại Tòa mặc dù Tòa án đã áp dụng nhiều biện pháp để làm việc với Công ty cũng như ông S nhưng đều không có kết quả, do đó việc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ T và ông S không lên Tòa làm việc coi như tự tước bỏ quyền trình bày tại tòa.

2.7. Qua xác minh tại UBND xã Tân An thì Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ T có trụ sở tại địa phương hiện tại không còn hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.8. Đối với dấu mộc của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ T hiện tại bà H đang giữ, do vậy cần buộc bà H phải có trách nhiệm trả lại dấu mộc cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ T sau khi Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ T và ông S đã trả hết nợ.

2.9. Đối với tiền lãi ông H1 yêu cầu Tòa án xem xét tính lãi với mức lãi suất là 1,66% trên số nợ gốc. Xét thấy đối với yêu cầu cho vay với lãi suất cao, nhưng ông H yêu cầu Tòa án xem xét lãi suất là 1,66% là phù hợp với quy định của pháp luật, không vượt quá 20%/năm, nên có cơ sở chấp nhận.

2.10. Đối với ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn L chồng của bà Đoàn Thị Hồng H cho rằng số tiền của bà H cho Công ty gỗ T vay tiền là tiền riêng của bà H, không liên quan đến ông đề nghị không đưa ông vào tham gia tố tụng. Xét thấy đây là sự trình bày tự nguyện của ông, nên được ghi nhận.

2.11. Từ những nhận định trên xét thấy yêu cầu của bà H đề nghị tòa án buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ T và ông S phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà H tổng số tiền là 5.984.576.000 đồng (trong đó gốc là 4.800.000.000 đồng lãi là 1.184.576.000 đồng) là có cơ sở chấp nhận.

3]. Về án phí: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ T và ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 113.984.576 đồng.

Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.599.200 đồng tại biên lai thu tiền số 0003907 ngày 13/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

4]. Xét quan điểm của VKS phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147; 227; 269; 271; 273; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ T và ông S phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đoàn Thị Hồng H số tiền là **5.984.576.000** đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Buộc bà Đoàn Thị Hồng H phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty gỗ T dấu mộc của Công ty, sau khi Công ty gỗ T và ông S trả hết nợ.

3. Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ T và ông S phải liên đới chịu án phí sơ thẩm là 113.984.576 đồng

Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.599.200 đồng tại biên lai thu tiền số 0003907 ngày 13/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. Bà H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ T và ông S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Vĩnh Cửu;
- VKSND tỉnh ĐN;
- TAND tỉnh ĐN;
- THADS H. Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lưu Trung Chiến